

## BÁO CÁO

### **Tổng kết thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XIX về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020**

Theo Công văn số 22/SNV-CCHC ngày 06/01/2021 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Tỉnh ủy (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 05), Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. Kết quả tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện Nghị quyết 05**

##### **1. Về tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 05**

- Đề triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XIX về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan để triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 05 và công tác cải cách hành chính hàng năm của Sở.

- Thường xuyên chỉ đạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và các đơn vị thuộc Sở thực hiện tốt công tác cải cách hành chính. Xác định cải cách hành chính là nhiệm vụ quan trọng, xem công tác cải cách hành chính là một trong những tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm. Đăng tải các văn bản về cải cách hành chính trên Trang Thông tin điện tử thành phần của Sở.

##### **2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa triển khai thực hiện Nghị quyết số 05**

Trên cơ sở Nghị quyết số 05 và Quyết định số 173/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Đề án cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, Sở đã xây dựng và ban hành Quyết định số 23/QĐ-SKHCHN ngày 27/02/2017 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XIX về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020. Hàng năm, căn cứ vào Kế hoạch cải cách hành chính của UBND tỉnh, Sở cụ thể hóa bằng các Kế hoạch cải cách hành chính<sup>1</sup> để triển khai thực hiện.

---

<sup>1</sup> Năm 2017: Quyết định số 24/QĐ-SKHCHN ngày 27/02/2017; năm 2018: Quyết định số 20/QĐ-SKHCHN ngày 13/02/2018; năm 2019: Quyết định số 235/QĐ-SKHCHN ngày 28/12/2018; năm 2020: Quyết định số 314/QĐ-SKHCHN ngày 29/10/2019.

## **II. Kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Trong giai đoạn từ năm 2017 - 2020, 100% văn bản quy phạm pháp luật do Sở tham mưu ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

- Từ năm 2017 đến tháng 12/2020, Sở đã tiếp nhận 404 hồ sơ thủ tục hành chính (trong đó có 35 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3); kết quả giải quyết trả kết quả sớm và đúng hạn 399 hồ sơ, trễ hạn 05 hồ sơ (nguyên nhân trễ hạn là do lãnh đạo bận đi công tác nên chưa kết thúc lệnh trên phần mềm khi đã ký bản giấy, nhưng kết quả giải quyết TTHC (bản giấy) đã trả cho tổ chức và cá nhân đúng hạn); không có đơn thư kiến nghị cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Mức độ đánh giá hài lòng của tổ chức, cá nhân về giải quyết thủ tục hành chính của Sở đạt 100% mức độ rất hài lòng và hài lòng.

- Tính đến thời điểm tháng 12/2020, Sở đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tích hợp cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với 19/60 TTHC thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (đạt 31,6%, vượt tỷ lệ UBND tỉnh giao); 97% các văn bản trao đổi giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các cơ quan hành chính được thực hiện dưới dạng điện tử.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức: Sở đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 835/KH-SKHHCN ngày 18/9/2017 về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức cho các phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, giai đoạn 2017 - 2020 và hàng năm đều ban hành kế hoạch để làm cơ sở cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, đến năm 2020 có 100% công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

- Về tình hình thực hiện tinh giản biên chế, so với năm 2015, Sở đã giảm 03 biên chế hành chính (đạt 7,9%), đến năm 2021 phấn đấu sẽ thực hiện giảm 10% biên chế hành chính theo lộ trình và giảm 07 biên chế sự nghiệp (đạt 22,4%).

### **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

#### **2.1. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thể chế**

##### **a) Kết quả chủ yếu đạt được**

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật: Việc tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ được Sở thực

hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành, căn cứ pháp lý, hiệu lực, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản QPPL liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ; từ năm 2017 đến năm 2020, đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 03 văn bản QPPL<sup>2</sup>, cụ thể:

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật: Hằng năm, Sở đều thực hiện ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật và đã chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở chấp hành nghiêm công tác theo dõi thi hành pháp luật theo tinh thần của Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành nói chung và Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015 nói riêng, đảm bảo việc chấp hành đúng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; đồng thời kịp thời phát hiện những thiếu sót, những điểm không phù hợp của pháp luật với yêu cầu xã hội và kiến nghị sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: Sở Khoa học và Công nghệ đã rà soát, kịp thời xem xét, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ cho phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể: Trong kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, gồm có: Văn bản QPPL hết hiệu lực: 06 văn bản; văn bản QPPL còn hiệu lực: 08 văn bản; văn bản QPPL cần bãi bỏ: 04 văn bản.

- Công tác kiểm tra văn bản QPPL: Đã thực hiện kiểm tra các văn bản QPPL đã tham mưu UBND tỉnh ban hành. Qua kiểm tra, đã tham mưu và phối hợp tham mưu xử lý 04 văn bản QPPL<sup>3</sup> không còn phù hợp với Luật Ban hành văn bản QPPL 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính

<sup>2</sup> (1) Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; (2) Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>3</sup> (1) Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 19/6/2007 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản lý, sản xuất kinh doanh; (2) Chỉ thị số 16/2015/CT-UBND ngày 04/12/2015 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (3) Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Ngãi và (4) Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 và Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 29/10/2019.

phủ và Quyết định số 70/2017/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

- Việc tổ chức triển khai: Công tác quản lý nhà nước về KH&CN từng bước được đổi mới về cơ cấu tổ chức, cơ chế chính sách, đầu tư tài chính và phương thức quản lý. Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng được chú trọng, đẩy mạnh các hoạt động giám sát và hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ các quy định về đo lường, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo kế hoạch, nghiêm túc xử lý kịp thời các đối tượng vi phạm, góp phần tăng cường thực thi pháp luật về đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao nhận thức về các quy định của pháp luật chuyên ngành trong sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ chức; ác Chương trình, đề tài, dự án KH&CN đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và ngày càng gắn với yêu cầu thực tiễn. Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, chất lượng các công trình nghiên cứu ngày càng nâng cao, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần giải quyết lao động nông thôn, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, là động lực cho sự phát triển sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững và đã có những đóng góp quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Thực hiện đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ngành, lĩnh vực trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của Sở bao gồm các văn bản của Trung ương, của tỉnh và của Sở. Xây dựng một số chuyên mục, chuyên đề để tuyên truyền trên Bản tin Khoa học công nghệ của Sở. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ đã góp phần tích cực trong việc nâng cao nghiệp vụ trong triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ; năng lực tiếp thu ứng dụng khoa học kỹ thuật cho cán bộ và các đối tượng tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ: Tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực KH&CN; qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm hành chính đối với các cơ sở vi phạm góp phần tăng cường thực thi pháp luật về đo lường chất lượng, sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao nhận thức về các quy định của pháp luật chuyên ngành trong sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ chức.

#### b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nhiều nội dung mới, khó, mang tính kỹ thuật cao như: quy trình xây dựng chính sách, đánh giá tác động chính sách, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật,... do đó, trong quá trình triển khai thực hiện gặp một số khó khăn.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chưa đồng bộ; tính khả thi của một số văn bản hướng dẫn chưa cao, chưa kịp thời dẫn đến việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung, tham mưu ban hành cơ chế còn nhiều bị động.

## 2.2. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cải cách thủ tục hành chính

### a) Kết quả đạt được

- Cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định: Thực hiện rà soát và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 và Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 về việc phê duyệt Danh mục TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Khoa học và Công nghệ gồm 12 TTHC, cụ thể như sau:

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định	Thời gian giải quyết được rút ngắn
<b>Năm 2018</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>		
1	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
2	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc
3	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>		
4	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày	15 ngày
5	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế)	30 ngày	15 ngày
6	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức	10 ngày làm	07 ngày làm

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời gian giải quyết theo quy định</b>	<b>Thời gian giải quyết được rút ngắn</b>
	xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	việc	việc
7	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở (cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b>		
8	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc
9	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	15 ngày làm việc	10 ngày làm việc
<b>Năm 2019</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>		
1	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế)	15 ngày	10 ngày
2	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế)	15 ngày	10 ngày
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</b>		
3	Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	10 ngày làm việc	07 ngày làm việc

- Về kiểm soát TTHC:

+ Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh: Hàng năm, đều ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính<sup>4</sup>; Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của

<sup>4</sup> Năm 2017: Quyết định số 28/QĐ-SKHHCN ngày 09/3/2017; năm 2018: Quyết định số 22/QĐ-SKHHCN ngày 26/02/2018; năm 2019: Quyết định số 48/QĐ-SKHHCN ngày 27/02/2019; năm 2020: Quyết định số 61/QĐ-SKHHCN ngày 14/02/2020.

Sở Khoa học và Công nghệ; qua đó tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền Sở đã tiến hành rà soát, đánh giá và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

+ Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính về tình hình kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ: Trong giai đoạn 2016 - 2020, Sở không có đơn thư kiến nghị cũng như các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Việc cập nhật, công bố TTHC theo quy định: Hàng năm, xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính. Thường xuyên rà soát, cập nhật Quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành, Danh mục TTHC được thay thế và Danh mục TTHC được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định.

- Công khai thủ tục hành chính theo quy định: Sở Khoa học và Công nghệ đã niêm yết công khai Bộ thủ tục hành chính, trình tự và thời gian giải quyết các thủ tục hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị thuộc Sở và đăng tải toàn bộ nội dung lên Trang Thông tin điện tử thành phần của Sở gồm 65 TTHC, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh. Thực hiện công khai 61 TTHC tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trừ 04 TTHC thuộc lĩnh vực tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo không đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định).

- Thực hiện chế độ một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: Sở đã bố trí trang thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết và nhân lực để phục vụ cho Bộ phận một cửa. Hoạt động của tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” tại Sở Khoa học và Công nghệ được duy trì ổn định và đạt hiệu quả. Kết quả tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “một cửa” tại Sở Khoa học và Công nghệ, từ năm 2017 đến tháng 12/2020 đã tiếp nhận 404 hồ sơ thủ tục hành chính (trong đó có 35 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 3); kết quả giải quyết trả kết quả sớm và đúng hạn 399 hồ sơ, trễ hạn 05 hồ sơ (nguyên nhân trễ hạn là do lãnh đạo bận đi công tác nên chưa kết thúc lệnh trên phần mềm khi đã ký bản giấy, nhưng kết quả giải quyết TTHC (bản giấy) đã trả cho tổ chức và cá nhân đúng hạn).

- Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: Sở đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tích hợp cung cấp trên Công Dịch vụ công quốc gia đối với 19/60 TTHC thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi (đạt 31,6%, vượt tỷ lệ UBND tỉnh giao).

- Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích: Sở đã thực hiện ký hợp đồng với Bưu điện tỉnh về tiếp

nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Sở đã xây dựng và cung cấp 19 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và Sở đã tổ chức tuyên truyền bằng văn bản, tuyên truyền trên Trang Thông tin điện tử thành phần của Sở đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân biết thực hiện, tuy nhiên số lượng hồ sơ phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến đạt thấp. Nguyên nhân, phần lớn người dân, tổ chức, doanh nghiệp vẫn còn đến trực tiếp nộp và nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nên việc triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến gặp khó khăn.

### **2.3. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

a) Kết quả đạt được

- Việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở được kịp thời, theo quy định của Trung ương và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đảm bảo theo quy định và hoạt động phù hợp, đúng với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Trên cơ sở Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2018 UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và ban hành Đề án số 905/ĐA-SKH-CN ngày 05/10/2018 sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính của Sở Khoa học và Công nghệ. Theo đó, hợp nhất phòng Kế hoạch - Tài chính với Văn phòng Sở; Phòng Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở với phòng Quản lý Khoa học; Trung tâm Thông tin và ứng dụng KH-CN hợp nhất với Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành đơn vị sự nghiệp mới. Cơ cấu tổ chức bộ máy Sở sẽ được sắp xếp lại từ 06 phòng, 03 đơn vị hiện nay còn lại 4 phòng, 02 đơn vị, gồm: Văn phòng; Thanh tra; Quản lý khoa học; Quản lý công nghệ và chuyên ngành; Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 25/8/2020. Tuy nhiên, hiện nay dừng thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy theo Đề án đã được phê duyệt và đã xây dựng và trình Sở Nội vụ Phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ và Công văn số 5222/UBND-NC ngày 27/10/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.



- Trên cơ sở Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Sở Khoa học và Công nghệ và ban hành Đề án số 898/ĐA-SKH-CN ngày 05/10/2018 về hợp nhất Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học - công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 2298/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 về việc thành lập Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, từ tháng 02/2019 Trung tâm đã hoàn thành việc sắp xếp, bố trí nhân sự và đi vào hoạt động ổn định. Hiện nay, Sở đã xây dựng Phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ trình Sở Nội vụ.

- Việc phân cấp, phân quyền cho các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện theo quy định tại Điều 9, Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tạo điều kiện cho người đứng đầu đơn vị trực thuộc Sở chủ động hơn trong thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu.

#### b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở chưa được UBND tỉnh phê duyệt nên Sở chưa có cơ sở để sáp nhập các phòng theo Đề án nhằm khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ để một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

### **2.4. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách chế độ công vụ, công chức**

#### a) Kết quả đạt được

- Số lượng, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc Sở: Tổng số công chức, viên chức: 55 người (trong đó: Công chức: 33; viên chức: 22); trình độ chuyên môn của công chức: Trên đại học 14 người, đại học 17 người, sơ cấp 02 người (lái xe, được tuyển dụng trước năm 1993), trình độ chuyên môn của viên chức: Trên đại học 02 người; đại học 19 người; cao đẳng 03 người. Trình độ về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ của đội ngũ công chức, viên chức không ngừng được nâng lên, đặc biệt là trình độ chuyên

môn, trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý nhà nước được nâng lên qua từng năm.

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Hàng năm, đều ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức<sup>5</sup> và cử công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra. Từ năm 2017 - 2020, có 03 công chức hoàn thành chương trình thạc sĩ và 01 công chức đang học thạc sĩ; 04 công chức hoàn thành khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị và 01 công chức đang học cấp cao chính trị; 11 công chức, viên chức học trung cấp lý luận chính trị (07 công chức, viên chức đã hoàn thành khóa đào tạo), 01 công chức hoàn thành chương trình đại học; 03 công chức đi học lớp bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo Sở; 01 công chức đi học chuyên viên cao cấp; 07 công chức, viên chức đi học chuyên viên chính; 09 công chức, viên chức đi học lớp bồi dưỡng kiến thức Chương trình chuyên viên và 186 lượt công chức, viên chức đi bồi dưỡng nghiệp vụ. Công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đã đáp ứng yêu cầu ngày một tốt hơn trong thực hiện chức trách nhiệm vụ; công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức vụ đều phát huy tốt vai trò, trách nhiệm theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý công chức, viên chức: Thực hiện nghiêm túc quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý công chức, viên chức. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan sử dụng công chức theo chỉ tiêu biên chế công chức hành chính được UBND tỉnh giao hàng năm, Sở không có thẩm quyền tuyển dụng công chức mà chỉ tiếp nhận và sử dụng công chức theo quy định; người được tuyển dụng theo đúng chức danh công chức cần tuyển, đảm bảo các tiêu chí về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện quy định về thu hút người tài vào bộ máy hành chính, Sở đã phối hợp với Sở Nội vụ tuyển dụng công chức không thi tuyển đối với 01 tiến sĩ và 03 thạc sĩ; thực hiện xét tuyển viên chức thành công chức không qua thi tuyển cho 02 viên chức để bố trí làm việc tại các phòng, đơn vị thuộc Sở, hiện nay đang tuyển dụng 02 viên chức về công tác tại Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

- Việc bố trí công chức, viên chức theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt; thực hiện các quy định về số lượng cấp phó tại cơ quan: Thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự theo cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt. Sở thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về số lượng cấp phó đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, không có phòng, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý vượt quá số lượng cấp phó theo quy định.

- Việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương; các quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý: Căn cứ vào các văn bản của cấp trên về tiêu chuẩn Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương, Sở đã ban hành Quyết định số 81/QĐ-SKHHCN ngày 04/6/2018 về Quy định tiêu chuẩn và quy trình bổ

<sup>5</sup> Năm 2017: Kế hoạch số 835/KH-SKHHCN ngày 18/9/2017; năm 2018: Kế hoạch số 298/KH-SKHHCN ngày 10/4/2018; năm 2019: Kế hoạch số 379/KH-SKHHCN ngày 10/4/2019; năm 2020: Kế hoạch số 222/KH-SKHHCN ngày 28/02/2020.

nhệm, bổ nhiệm lại đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở không có trường hợp Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương chưa đạt chuẩn về trình chuyên môn, về lý luận chính trị và các tiêu chuẩn khác theo quy định.

- Việc thực hiện quy chế làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của công chức, viên chức: Lãnh đạo Sở thường xuyên quán triệt các nội dung quy định tại Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 và Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh và công chức, viên chức, người lao động chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, quy chế làm việc, văn hóa công sở và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, chấp hành tốt quy định về chế độ hội họp, các trường hợp xin vắng mặt đều báo cáo người chủ trì cuộc họp; thực hiện nghiêm túc quy định về trách nhiệm đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp của người công chức, viên chức, người lao động khi thi hành nhiệm vụ, công vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Sở.

#### b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Sở còn một số biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp chưa được cấp có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng đủ số biên chế được giao nên Sở chưa có đủ số lượng công chức, viên chức sắp xếp, bố trí theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của một số phòng, đơn vị thuộc Sở.

### **2.5. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới cơ chế quản lý tài chính công**

#### a) Kết quả đạt được

- Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo Nghị định của Chính phủ:

+ Đối với Sở Khoa học và Công nghệ và Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; trên cơ sở dự toán, đối với phần kinh phí tự chủ đơn vị tự cân đối kinh phí khoán chi phù hợp với tình hình thực tế, đối với phần kinh phí không tự chủ phân bổ chi cho các mục tiêu sự nghiệp đã được lập dự toán từ đầu năm. Qua đó, đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, không để xảy ra tình trạng mất cân đối trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

+ Đối với Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, đơn vị trực thuộc Sở là tổ chức khoa học công nghệ công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ. Đơn vị đã xây dựng phương án tài chính thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP, là đơn vị được ngân sách nhà

nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên theo nhiệm vụ với mức độ tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên là 56,67% và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tính đến tháng 12/2020, Trung tâm đã thực hiện và hoàn thành các nội dung, khối lượng công việc đã được phê duyệt theo đúng tiến độ; hoàn thành tốt hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đạt trên 3.000/2.600 triệu đồng đạt 115.4% so với kế hoạch. Hoàn thành các nhiệm vụ chi không thường xuyên đảm bảo đúng theo quy định. thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (*lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thông tin, thông kê khoa học công nghệ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*).

- Kết quả thực hiện tự chủ về kinh phí tại cơ quan và đơn vị trực thuộc:

+ Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị thuộc Sở đã xây dựng, ban hành và sửa đổi bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ<sup>6</sup> phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; tổ chức phổ biến, quán triệt đến tất cả công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện.

+ Phương án tiết kiệm kinh phí hành chính, kinh phí sự nghiệp: Quản lý và sử dụng tiết kiệm kinh phí hoạt động thường xuyên trong dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo sử dụng đúng mục đích, đúng định mức chi tiêu và chế độ tài chính hiện hành; quản lý chặt chẽ các khoản thu và nội dung chi từ nguồn thu, không được để ngoài sổ sách kế toán, đồng thời thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo đúng quy định hiện hành; thực hiện triệt để tiết kiệm trong sử dụng kinh phí, nhất là các khoản chi như: Tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn, tiếp khách...; thực hiện các biện pháp phù hợp, hiệu quả để tiết kiệm triệt để chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm và các chi phí khác; thường xuyên nhắc nhở kịp thời không để xảy ra sai phạm.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công: Xây dựng và ban hành Quyết định số 130/QĐ-SKHHCN ngày 05/9/2018 về Quy chế quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Sở Khoa học và Công nghệ. Sở đã thực hiện nghiêm việc quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước theo quy định; công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được thực hiện thống nhất, có sự phân cấp rõ thẩm quyền cũng như trách nhiệm của từng phòng, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản, cụ thể: Thực hiện việc mua sắm, sửa chữa tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc đảm bảo đúng mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn, đúng quy định pháp luật về đấu thầu, chỉ định thầu; trước khi đơn vị được đầu tư xây dựng, mua sắm đều có kế hoạch và dự toán cụ thể; sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả, không sử dụng tài sản, phương tiện, trang thiết bị làm việc công vào việc riêng; việc thu hồi, điều chuyển, thanh lý tài sản nhà nước được thực hiện theo đúng trình tự, thẩm quyền.

<sup>6</sup> (1) Quyết định số 50/QĐ-SKHHCN ngày 30/3/2018 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi; (2) Quyết định số 45/QĐ-CCTCĐLCL ngày 20/02/2019 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; (3) Quyết định số 24/QĐ-TTUDDVKHCN ngày 25/02/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

## **2.6. Kết quả thực hiện nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hiện đại hóa nền hành chính**

### a) Kết quả đạt được

*\* Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở:*

- Tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT): Hàng năm, đều xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và tổ chức triển khai hoàn thành các nội dung của kế hoạch.

- Tình hình ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành iOffice; việc ứng dụng các phần mềm phục vụ người, doanh nghiệp; việc sử dụng chữ ký số:

+ Sở Khoa học và Công nghệ trang bị phần mềm iOffice (trước đây là phần mềm eOffice) vào hoạt động của cơ quan, đáp ứng được nhiệm vụ theo yêu cầu công tác, đã phát huy hiệu quả trong việc quản lý văn bản, điều hành nội bộ góp phần tiết kiệm được thời gian, chi phí in ấn tài liệu, lưu trữ tìm kiếm văn bản thuận tiện trong việc trao đổi thông tin công việc, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở, đã triển khai mạng LAN và mạng internet và tất cả các công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý theo yêu cầu đăng ký thực hiện chữ ký số, Sở đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện đảm bảo số lượng chữ ký số theo quy định đáp ứng được nhu cầu trao đổi thông tin nhanh chóng, chính xác..đã góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

+ Duy trì ứng dụng phần mềm Văn phòng điện tử - eOffice; phần mềm Kế toán hành chính sự nghiệp, phần mềm khai báo bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm khai báo thuế... để phục vụ công tác.

- Việc công tác xây dựng, chuyển đổi, áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị: Sở triển khai việc chuyển đổi và duy trì áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại Sở Khoa học và Công nghệ đã nâng cao tính minh bạch và công khai các TTHC tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian, chi phí cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

*\* Kết quả thực hiện việc triển khai hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh:*

- Về công tác tham mưu ban hành văn bản: Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 03 văn bản<sup>7</sup> để triển khai thực hiện ISO 9001 trên địa bàn tỉnh.

- Công tác tập huấn, đào tạo: Trong giai đoạn 2017 - 2020, tổ chức 08 khóa đào tạo về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo TCVN ISO 9001 cho các cơ quan hành chính nhà nước (CQHCCNN) trên địa bàn tỉnh: 04 khóa đào tạo về duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001; 02 khóa đào tạo về xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho UBND cấp xã và 02 khóa đào tạo về chuyển đổi áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Công tác kiểm tra kiểm tra việc xây dựng, chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:

+ Về ban hành văn bản thực hiện công tác kiểm tra: Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định<sup>8</sup> và Sở ban hành 02 Quyết định<sup>9</sup> để thực hiện công tác kiểm tra việc xây dựng, chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001

+ Kết quả thực hiện kiểm tra: Thực hiện kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 tại 211 CQHCCNN theo Kế hoạch được phê duyệt (*kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 99 CQHCCNN, kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo: 112 CQHCCNN*), cụ thể: Năm 2017, thực hiện kiểm tra tại 36 CQHCCNN (trong đó kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 10 CQHCCNN; kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo: 26 CQHCCNN); năm 2018, thực hiện kiểm tra tại 46 CQHCCNN (trong đó kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 15 CQHCCNN; kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo: 31 CQHCCNN); năm 2019, thực hiện kiểm tra tại 64 CQHCCNN (trong đó kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 24 CQHCCNN; kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo: 40 CQHCCNN); năm 2020, thực hiện kiểm tra tại 65 CQHCCNN (trong đó kiểm tra tại trụ sở cơ quan: 50 CQHCCNN; kiểm tra thông qua hồ sơ và báo cáo: 15 CQHCCNN). Kết quả, Qua kiểm tra, việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 được các CQHCCNN quan tâm thực hiện; lãnh đạo cơ quan luôn quan tâm, xem xét đến việc thực hiện các quá trình giải quyết công việc được xác định trong HTQLCL; việc xây dựng, áp

<sup>7</sup> Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018 – 2021; Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 – 2020; Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch triển khai xây dựng chuyển đổi, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2019 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

<sup>8</sup> Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 tại các CQHCCNN trong các năm 2017; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 tại các CQHCCNN trong năm 2018.

<sup>9</sup> Quyết định số 79/QĐ- KHCN ngày 01/4/2019 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 tại các CQHCCNN trong các năm 2019; Quyết định số 94/QĐ-KHCN ngày 25/3/2020 phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 tại các CQHCCNN trong các năm 2020.

dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 được các CQHCNN quan tâm thực hiện, góp phần thúc đẩy công tác cải cách hành chính tại cơ quan, từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch.

- Công tác triển khai xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND cấp xã: Thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: “Tur vấn xây dựng xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh”, năm 2018 - 2019. Thường xuyên phối hợp UBND các huyện/thành phố tổ chức triển khai kế hoạch xây dựng, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND cấp xã trên địa bàn. Thường xuyên đôn đốc UBND các huyện/thành phố, UBND cấp xã thực hiện việc xây dựng, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. 100% UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015.

- Công tác triển khai chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các CQHCNN: Thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu: “Tur vấn xây dựng chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các CQHCNN tỉnh Quảng Ngãi năm 2020”. Thường xuyên đôn đốc các CQHCNN thuộc đối tượng chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 theo quy định của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 26/4/2019, Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh. Tính đến thời điểm 30/12/2020, 100% các CQHCNN trên địa bàn tỉnh hoàn thành việc xây dựng chuyển đổi, áp dụng và công bố HTQLCL phù hợp TCVN ISO 9001:2015.

#### b) Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Các văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên thay đổi, bổ sung, điều chỉnh nên các CQHCNN chưa kịp thời thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy trình giải quyết công việc đã ban hành.

- Khối lượng công việc của các CQHCNN khá lớn, do đó thời gian dành cho công tác triển khai ISO không nhiều.

- Cán bộ phụ trách công tác ISO tại các CQHCNN là công chức kiêm nhiệm, một số cán bộ phụ trách công tác ISO được luân chuyển đến những vị trí công tác khác nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng của HTQLCL.

- Hầu hết các CQHCNN không được cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015; do đó phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001:2015 tại các CQHCNN.

### **III. Đánh giá chung kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân**

#### **1. Những kết quả tích cực đã đạt được**

Trong giai đoạn 2016 - 2020, công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính được Sở Khoa học và Công nghệ tập trung triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả, công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật được triển khai thường xuyên, kịp thời và đảm bảo yêu cầu về chất lượng; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức có phẩm chất, đạo đức công vụ tốt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được phân công; về cải cách thủ tục hành chính đã tiến hành xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với các thủ tục hành chính của đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan theo hướng phục vụ người dân và doanh nghiệp, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ của công chức, viên chức nhất là người đứng đầu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính của tỉnh Quảng Ngãi, góp phần cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh qua từng năm.

#### **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

- Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Khoa học và Công nghệ chưa được UBND tỉnh phê duyệt nên Sở chưa có cơ sở để sáp nhập các phòng theo Đề án nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý nhà nước lĩnh vực KH&CN tránh sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng thuộc Sở, đảm bảo tiêu chí thành lập phòng theo quy định.

- Phần lớn người dân, tổ chức, doanh nghiệp vẫn còn đến trực tiếp nộp và nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nên việc triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 gặp khó khăn.

- Cán bộ phụ trách công tác ISO tại các CQHCCN là công chức kiêm nhiệm, một số cán bộ phụ trách công tác ISO được luân chuyển đến những vị trí công tác khác nên phần nào ảnh hưởng đến chất lượng của HTQLCL.

- Hầu hết các CQHCCN không được cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 900:2015; do đó phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác duy trì, cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 900:2015 tại các CQHCCN.

### **IV. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu về cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025**



1. 100% văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do Sở tham mưu ban hành đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. 100% thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan công bố được rà soát, cập nhật trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định về việc công bố Danh mục TTHC mới ban hành, Danh mục TTHC được thay thế và Danh mục TTHC được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời và theo đúng quy định.

3. Số thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ được tiếp nhận và trả kết quả sớm và đúng hẹn đạt từ 95% trở lên.

4. Đến năm 2025, có 60% thủ tục hành chính thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đáp ứng nhu cầu thực tế của tổ chức, cá nhân nhằm giảm thời gian, chi phí, số lần cá nhân, tổ chức phải đến trực tiếp để thực hiện thủ tục hành chính.

5. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ sau khi được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ. Thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, để tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kịp thời theo hướng tinh gọn, hiệu quả, một phòng, đơn vị thực hiện nhiều chức năng, một người làm nhiều nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ chỉ có một đơn vị chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

6. 100% chức danh Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở được bổ nhiệm đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, điều động và luân chuyển, bố trí sử dụng cán bộ hợp lý, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh và phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác để nâng cao hiệu quả công tác; Thực hiện tốt chính sách cán bộ, kịp thời nâng lương thường xuyên, đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng, thực hiện các chế độ chính sách khác đối với công chức, viên chức và người lao động theo quy định.

7. Thực hiện sắp xếp, bố trí nhân sự theo cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đảm bảo theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về số lượng cấp phó đối với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, không có phòng, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý vượt quá số lượng cấp phó theo quy định.

8. Về tài chính công: Đẩy mạnh việc thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định. Thực hiện có hiệu quả cơ chế khoán biên chế và kinh phí, bố trí sử dụng kinh phí hiệu quả, tiết kiệm, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động theo đúng quy định.

9. Về hiện đại hóa nền hành chính: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành của cơ quan đáp ứng được nhiệm vụ theo yêu cầu công tác, đã phát huy hiệu quả trong việc quản lý văn bản, điều hành nội bộ góp phần tiết kiệm được thời gian, chi phí in ấn tài liệu, lưu trữ tìm kiếm văn bản thuận tiện trong việc trao đổi thông tin công việc, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở.

10. Tăng cường công tác đào tạo về công tác xây dựng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 6 khóa XIX về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020 của Sở Khoa học và Công nghệ./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Thành**